

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ KIẾN ĐẠT HỌC BỔNG HỌC TẬP
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024 – 2025
(Cập nhật 08g00 ngày 22 tháng 9 năm 2025)

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Điểm trung bình các môn học lần 1, đạt, có tính vào GPA*	Điểm rèn luyện	Tổng số tín chỉ các môn học lần 1, đạt, có tính vào GPA*	Mức học bổng	Số tiền học bổng
1	BABAAD23027	Phạm Võ Thanh Thảo	82	73	18	Khá	32,400,000
2	BABAIU21008	Âu Thị Bảo Châu	83	90	21	Giỏi	22,000,000
3	BABAIU21595	Mai Thiên Xuân	90.2	73	20	Khá	20,000,000
4	BABAIU21393	Nguyễn Đức Hậu	88	65	21	Khá	20,000,000
5	BABAIU21407	Nguyễn Quốc Huy	86.4	65	19	Khá	20,000,000
6	BABAIU21386	Bùi Trần Thụy Hân	86	68	15	Khá	20,000,000
7	BABAIU21568	Vũ Minh Trường	84	76	15	Khá	20,000,000
8	BABAIU21578	Lê Mỹ Uyên	83.1	65	17	Khá	20,000,000
9	BABAIU21440	Dương Khánh Ly	82.1	65	17	Khá	20,000,000
10	BABAIU21230	Nguyễn Ngọc Thuỳ Linh	81.7	73	23	Khá	20,000,000
11	BABAIU21459	Tiêu Hà My	74.5	79	20	Khá	20,000,000
12	BABAIU21248	Đỗ Hồng Ngọc	73.1	76	17	Khá	20,000,000
13	BABAIU22200	Phan Thu Ngân	90.2	82	20	Giỏi	22,000,000
14	BABAIU22570	Trương Thị Mộng Lành	89.4	100	21	Giỏi	22,000,000
15	BABAIU22268	Mai Gia Hân	89.3	80	21	Giỏi	22,000,000
16	BABAIU22414	Nguyễn Thị Thủy	87	100	21	Giỏi	22,000,000
17	BABAIU22579	Nguyễn Trần Khánh Linh	86.9	100	24	Giỏi	22,000,000
18	BABAIU22358	Nguyễn Yến Linh	86.7	100	17	Giỏi	22,000,000
19	BABAIU22577	Trần Tiến Khoa	86.4	100	20	Giỏi	22,000,000
20	BABAIU22019	Mai Hoàng Chi	86.1	100	24	Giỏi	22,000,000
21	BABAIU22345	Bùi Thị Mỹ Trà	85.5	100	18	Khá	20,000,000
22	BABAIU22684	Lê Thị Khả Duyên	85.3	100	21	Khá	20,000,000
23	BABAIU22424	Nguyễn Trần Ngọc Hân	85.3	81	18	Khá	20,000,000
24	BABAIU22557	Lê Hà Khanh	85	100	18	Khá	20,000,000
25	BABAIU22372	Nguyễn Châu Thị Thu Diệu	84.9	87	21	Khá	20,000,000
26	BABAIU22580	Phan Hữu Lâm	84.9	81	21	Khá	20,000,000
27	BABAIU22631	Trần Huỳnh Phương Uyên	83.9	86	20	Khá	20,000,000
28	BABAIU22429	Nguyễn Cao Minh An	83.6	100	23	Khá	20,000,000
29	BABAIU22067	Trần Ngọc Thiên Kim	83.6	82	23	Khá	20,000,000
30	BABAIU23287	Lê Bảo Trân	87.6	100	21	Giỏi	22,000,000
31	BABAIU23256	Lữ Phạm Anh Thư	86	94	20	Giỏi	22,000,000
32	BABAIU23193	Nguyễn Đào Ý Nhi	85.9	86	20	Giỏi	22,000,000

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Điểm trung bình các môn học lần 1, đạt, có tính vào GPA*	Điểm rèn luyện	Tổng số tín chỉ các môn học lần 1, đạt, có tính vào GPA*	Mức học bổng	Số tiền học bổng
33	BABAIU23188	Nguyễn Đỗ Phương Nhi	85.8	96	18	Giỏi	22,000,000
34	BABAIU23133	Nguyễn Kiều Linh	84.3	86	23	Giỏi	22,000,000
35	BABAIU23302	Nguyễn Thu Uyên	85.4	69	22	Khá	20,000,000
36	BABAIU23019	Nguyễn Ngọc Phương Anh	84.3	84	17	Khá	20,000,000
37	BABAIU23340	Nguyễn Thị Minh Châu	83.7	78	21	Khá	20,000,000
38	BABAIU23090	Nguyễn Minh Hoàng	83.2	65	17	Khá	20,000,000
39	BABAIU23021	Nguyễn Phạm Thục Anh	82.1	88	20	Khá	20,000,000
40	BABAIU23075	Lâm Gia Hân	81.2	80	18	Khá	20,000,000
41	BABAIU23254	Trần Bích Thoa	80.2	81	22	Khá	20,000,000
42	BABAIU24214	Bùi Lê Phương Thảo	88.6	80	19	Giỏi	22,000,000
43	BABAIU24110	Nguyễn Quốc Huy	84.4	90	19	Giỏi	22,000,000
44	BABAIU24114	Mai Ngọc Kha	83.4	90	19	Giỏi	22,000,000
45	BABAIU24255	Phạm Trần Đức Trí	83.3	90	19	Giỏi	22,000,000
46	BABAIU24209	Phan Thái Thanh	84.5	71	19	Khá	20,000,000
47	BABAIU24113	Huỳnh Thị Thanh Huyền	82.2	77	19	Khá	20,000,000
48	BABAIU24242	Dương Nhật Tiến	82.1	84	19	Khá	20,000,000
49	BABAIU24201	Phạm Nguyễn Ngọc Quỳnh	80.6	88	19	Khá	20,000,000
50	BABAIU24142	Hồ Hà Anh Minh	80.2	82	19	Khá	20,000,000
51	BABAIU24104	Phan Đỗ Quỳnh Hương	80.1	82	19	Khá	20,000,000
52	BABAUH23060	Vũ Thiên Hường	80.8	67	15	Khá	30,000,000
53	BABAWE23072	Đỗ Huỳnh Minh Khánh	77.5	100	18	Khá	30,000,000
54	BABAUH23046	Đặng Tổ Nguyên	75.6	67	17	Khá	30,000,000
55	BABAWE23037	Hồ Khắc Quang Minh	73.2	66	18	Khá	30,000,000
56	BABAUH23035	Trương Ngọc Thùy Vân	72.9	66	19	Khá	30,000,000
57	BABAWE24069	Hoàng Ngọc Phước	84.1	100	16	Giỏi	33,000,000
58	BABAWE24009	Trần Quốc Minh Trí	76.3	76	16	Khá	30,000,000
59	BABAWE24067	Lê Hoàng Phát	74.2	98	16	Khá	30,000,000
60	BAMKIU24032	Đào Ngọc Vân Khanh	85.8	90	16	Giỏi	22,000,000
61	BAMKIU24020	Lê Minh Đạt	86	68	16	Khá	20,000,000
62	BAMKIU24002	Lê Ngọc Hoàng Anh	81.9	73	16	Khá	20,000,000
63	BAMKIU24098	Võ Thị Huyền Trân	80.4	85	16	Giỏi	22,000,000
64	BEBEIU21053	Bùi Minh Đức	94.8	100	22	Xuất sắc	24,000,000
65	BEBEIU21269	Huỳnh Anh Thái	94.1	100	19	Giỏi	22,000,000
66	BEBEIU21169	Nguyễn Trọng Tín	92.5	95	20	Khá	20,000,000
67	BEBEIU21013	Nguyễn Hoàng Lân	92.3	100	15	Khá	20,000,000
68	BEBEIU22014	Vũ Cao Bằng	92.8	93	20	Xuất sắc	24,000,000
69	BEBEIU22061	Võ Đăng Khoa	91.9	95	24	Khá	20,000,000
70	BEBEIU22183	Trần Thị Ngọc Diệp	92.1	100	22	Giỏi	22,000,000
71	BEBEIU22191	Giang Ngọc Phương Thanh	91.4	90	15	Khá	20,000,000

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Điểm trung bình các môn học lần 1, đạt, có tính vào GPA*	Điểm rèn luyện	Tổng số tín chỉ các môn học lần 1, đạt, có tính vào GPA*	Mức học bổng	Số tiền học bổng
72	BEBEIU23072	Nguyễn Xuân Dũng	91.6	100	24	Xuất sắc	24,000,000
73	BEBEIU23045	Nguyễn Ngô Minh Trí	88.6	90	21	Giỏi	22,000,000
74	BEBEIU23074	Lê Gia Hân	88	95	20	Khá	20,000,000
75	BEBEIU24004	Lê Trần Bảo Anh	85.3	83	19	Giỏi	22,000,000
76	BEBEIU24048	Trương Ngọc Minh	81.4	88	19	Giỏi	22,000,000
77	BEBEIU24095	Đỗ Thị Như Ý	75.6	84	19	Khá	20,000,000
78	BTBCIU21016	Đinh Thị Thanh Vân	84.9	90	18	Giỏi	22,000,000
79	BTBCIU22081	Trần Lê Minh Khôi	79.6	79	22	Khá	20,000,000
80	BTBCIU23032	Nguyễn Trần Thanh Tâm	84	97	19	Giỏi	22,000,000
81	BTBTIU21293	Dương Thị Anh Tâm	92.3	86	18	Giỏi	22,000,000
82	BTBTIU21168	Mai Thùy Trang	89.5	85	15	Giỏi	22,000,000
83	BTBTIU21175	Phạm Uyên Mai Anh	88.6	100	18	Khá	20,000,000
84	BTBTIU21272	Võ Hải Vân	87.5	87	19	Khá	20,000,000
85	BTBTIU22199	Phạm Đức Chính	94.1	97	18	Xuất sắc	24,000,000
86	BTBTIU22316	Ngư Ngọc Lan	92.6	100	20	Giỏi	22,000,000
87	BTBTIU22201	Phan Vũ Gia Hân	86.8	100	19	Khá	20,000,000
88	BTBTIU23136	Phan Trần Bảo Nguyên	90.9	100	22	Xuất sắc	24,000,000
89	BTBTIU23112	Hồ Đắc Lê Quỳnh	92.2	87	18	Giỏi	22,000,000
90	BTBTIU23106	Phan Tuyết Anh	88.3	100	20	Khá	20,000,000
91	BTBTIU23111	Nguyễn Hoàng Ngân	88.1	81	21	Khá	20,000,000
92	BTBTIU23140	Đinh Khánh Minh Thư	87.9	100	21	Khá	20,000,000
93	BTBTWE24044	Nguyễn Thị Quỳnh Như	88.3	100	17	Giỏi	33,000,000
94	BTBTWE23029	Lâm Ngọc Thơ	82.5	87	17	Giỏi	33,000,000
95	BTFTIU21150	Lê Trần Thị Ngọc Châu	89.6	89	17	Giỏi	22,000,000
96	BTFTIU21047	Shen Thuận Minh	86.9	95	17	Giỏi	22,000,000
97	BTFTIU22132	Trương Lê Thùy Dương	89	100	21	Giỏi	22,000,000
98	BTFTIU22130	Hà Thanh Hoàng	88.1	100	17	Giỏi	22,000,000
99	BTFTIU23028	Quách Đông Nghi	83.7	71	19	Khá	20,000,000
100	BTFTIU23012	Hà Cẩm Huy	79.9	92	20	Khá	20,000,000
101	BTFTIU24017	Giang Vĩnh Khoa	91.8	100	17	Xuất sắc	24,000,000
102	CECEIU21026	Nguyễn Phương Kiệt	81.7	86	20	Giỏi	22,000,000
103	CECEIU22084	Bùi Tá Hoàng Tân	84	86	19	Giỏi	22,000,000
104	CECEIU23010	Nguyễn Như Lâm	84.2	76	18	Khá	20,000,000
105	CECEIU24004	Đặng Nguyễn Sĩ Đồng	81.1	87	16	Giỏi	22,000,000
106	CECMIU21025	Võ Thị Hoài Thương	70.4	79	15	Khá	20,000,000
107	CECMIU22014	Võ Thành Khoa	90.7	100	21	Xuất sắc	24,000,000
108	CECMIU23005	Lê Thị Thảo Nguyên	86.2	100	19	Giỏi	22,000,000

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Điểm trung bình các môn học lần 1, đạt, có tính vào GPA*	Điểm rèn luyện	Tổng số tín chỉ các môn học lần 1, đạt, có tính vào GPA*	Mức học bổng	Số tiền học bổng
109	BTCEIU21009	Phạm Vũ Thắng	91	100	20	Xuất sắc	24,000,000
110	BTCEIU21076	Lê Vũ Trúc Vy	83.5	76	17	Khá	20,000,000
111	CHCEIU22011	Nguyễn Đức Minh Khang	80.3	98	22	Giỏi	22,000,000
112	CHCEIU22050	Nguyễn Ngọc Huệ Văn	78.8	81	20	Khá	20,000,000
113	CHCEIU23059	Lê Huỳnh Yến Ngọc	85.5	100	19	Giỏi	22,000,000
114	CHCEIU23036	Ông Lê Khánh Quỳnh	84.1	100	19	Giỏi	22,000,000
115	CHCEIU24032	Phạm Trường Minh	80.2	93	16	Giỏi	22,000,000
116	EVEVIU21016	Nguyễn Huỳnh Bảo Duy	75.3	79	19	Khá	20,000,000
117	CHEVIU22002	Dương Lê Thanh Thoa	82.9	100	23	Giỏi	22,000,000
118	CHEVIU23006	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	82.9	83	18	Giỏi	22,000,000
119	EEACIU21154	Nguyễn Anh Thư	86.5	94	22	Giỏi	22,000,000
120	EEACIU22168	Nguyễn Minh Đức	88.1	84	24	Giỏi	22,000,000
121	EEACIU22118	Lê Đoàn Minh Thư	88	100	24	Giỏi	22,000,000
122	EEACIU22234	Trần Minh Trí	86.5	90	22	Khá	20,000,000
123	EEACIU23077	Tổng Đức Hòa	88.3	87	21	Giỏi	22,000,000
124	EEACIU23082	Lê Xuân Khoa	88.1	98	17	Giỏi	22,000,000
125	EEACIU23070	Vũ Anh Minh	85.1	82	21	Khá	20,000,000
126	EEACIU24114	Phạm Minh Trí	76.4	89	16	Khá	20,000,000
127	EEACIU24001	Lê Nhật An	73.6	70	16	Khá	20,000,000
128	EEACIU24035	Nguyễn Hữu Phúc Gia	71.6	67	16	Khá	20,000,000
129	EEEEIU21037	Nguyễn Phương Khanh	80.8	82	17	Khá	20,000,000
130	EEEEIU22073	Nguyễn Thành Nhân	81.3	87	23	Giỏi	22,000,000
131	EEEEIU23017	Lê Nguyễn Khả Ngân	83.2	77	19	Khá	20,000,000
132	EEEEIU24001	Thái Lý An	76.2	73	17	Khá	20,000,000
133	ENENIU21083	Nguyễn Kiều Anh	89.8	84	16	Giỏi	22,000,000
134	ENENIU21008	Vũ Huy Hoàng	89.6	83	16	Giỏi	22,000,000
135	ENENIU21067	Nguyễn Trang Như	88.8	85	15	Khá	20,000,000
136	ENENIU22137	Nguyễn Gia Vĩ	90.2	100	19	Xuất sắc	24,000,000
137	ENENIU22128	Nguyễn Thị Châu Anh	89	100	19	Giỏi	22,000,000
138	ENENIU22138	Phạm Hoài Chung	87.3	98	19	Khá	20,000,000
139	ENENIU22047	Lê Trần Như Uyên	86.7	100	22	Khá	20,000,000
140	ENENIU23087	Hoàng Ngọc Thái Hà	90.7	99	20	Xuất sắc	24,000,000
141	ENENIU23099	Nguyễn Võ Mẫn Nghi	83.9	91	20	Giỏi	22,000,000
142	ENENIU23094	Phạm Hữu Nhân	83.4	100	20	Khá	20,000,000
143	ENENIU23010	Nguyễn Phương Thúy Bình	82.7	88	16	Khá	20,000,000
144	ENENIU24047	Nguyễn Hà Bảo Lan	87.3	88	19	Giỏi	22,000,000
145	ENENIU24062	Phan Thanh Minh	85	100	19	Giỏi	22,000,000
146	ENENIU24088	Bùi Vũ Hoàng Phương	84.6	97	19	Khá	20,000,000
147	ENENIU24111	Mã Ngọc Huyền Trân	84.6	83	19	Khá	20,000,000

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Điểm trung bình các môn học lần 1, đạt, có tính vào GPA*	Điểm rèn luyện	Tổng số tín chỉ các môn học lần 1, đạt, có tính vào GPA*	Mức học bổng	Số tiền học bổng
148	ENENIU24093	Đoàn Lê Hoàng Quyên	84.2	100	19	Khá	20,000,000
149	ENENWE23133	Nguyễn Mai Kiều Thư	86.2	100	15	Giỏi	33,000,000
150	ENENWE23105	Lê Thuỳ Dung	81**	100	15	Giỏi	33,000,000
151	ENENWE23049	Võ Hoài An	81	100	15	Khá	30,000,000
152	ENENWE24032	Hồ Hoàng Việt	80.6	95	17	Giỏi	33,000,000
153	ENENWE24119	Phan Khải Minh	80.3	72	17	Khá	30,000,000
154	ENENWE24120	Đoàn Gia Phúc	75.5	90	17	Khá	30,000,000
155	BAACIU21029	Lê Thị Vân Nga	90	100	20	Xuất sắc	24,000,000
156	BAACIU21203	Phạm Thị Phương Thùy	88.4	97	19	Giỏi	22,000,000
157	FAACIU22045	Nguyễn Vũ Bảo Ngọc	92.7	95	18	Xuất sắc	24,000,000
158	FAACIU22018	Nguyễn Khánh Hà	90.7	100	18	Giỏi	22,000,000
159	FAACIU22016	Hà Nguyễn Bảo Duy	88.4	89	17	Khá	20,000,000
160	FAACIU23066	Nguyễn Thị Minh Thư	78.8	78	20	Khá	20,000,000
161	FAACIU23012	Thiều Minh Huyền	78.6	76	19	Khá	20,000,000
162	FAACIU24016	Lê Duy Hân	79.6	83	16	Khá	20,000,000
163	FAECIU23019	Trần Ngọc Như Quỳnh	92.6	98	15	Xuất sắc	24,000,000
164	FAECIU23035	Nguyễn Hoàng Minh Anh	89.8	80	17	Giỏi	22,000,000
165	FAECIU24005	Phan Hồng Ngọc Anh	81.8	100	16	Giỏi	22,000,000
166	FAECIU24113	Ma Thị Quỳnh Trang	81.4	92	16	Giỏi	22,000,000
167	FAECIU24057	Nguyễn Trần Cao Lâm	84.4	70	16	Khá	20,000,000
168	FAECIU24039	Nguyễn Hoàng Anh Huy	76.4	68	16	Khá	20,000,000
169	BAFNIU21002	Bùi Huỳnh Kim An	86.1	91	22	Giỏi	22,000,000
170	BAFNIU21434	Lê Châu Trúc Giang	86	86	18	Giỏi	22,000,000
171	BAFNIU21599	Phạm Ngọc Bảo Trân	84.5	83	20	Giỏi	22,000,000
172	BAFNIU21042	Huỳnh Lâm Hoàng Huân	83.2	86	20	Giỏi	22,000,000
173	BAFNIU21419	Nguyễn Thị Thùy Dung	91	73	15	Khá	20,000,000
174	BAFNIU21085	Lê Nguyễn Hoàng Ngân	90.5	68	22	Khá	20,000,000
175	BAFNIU21136	Đào Nguyễn Ngọc Trân	80.7	80	18	Khá	20,000,000
176	BAFNIU21622	Lê Thụy Thảo Vy	82.8	85	15	Khá	20,000,000
177	BAFNIU21092	Huỳnh Thu Ngọc	81.8	90	17	Khá	20,000,000
178	BAFNIU21543	Phạm Lê Đông Phương	81.6	93	23	Khá	20,000,000
179	FAFBIU22036	Nguyễn Xuân Dung	90.6	90	20	Xuất sắc	24,000,000
180	FAFBIU22210	Nguyễn Đức Trọng	90.2	98	17	Giỏi	22,000,000
181	FAFBIU22244	Lê Khánh Lan Chi	89.5	98	17	Giỏi	22,000,000
182	FAFBIU22219	Ngô Nguyên Cát Tường	87.6	83	16	Giỏi	22,000,000
183	FAFBIU22062	Cao Nguyên Hiếu	85.1	90	23	Khá	20,000,000
184	FAFBIU22116	Trang Khánh Nghi	83.8	100	17	Khá	20,000,000
185	FAFBIU22217	Nguyễn Minh Tuấn	82.7	83	16	Khá	20,000,000
186	FAFBIU22265	Cao Xuân Mai	82.1	83	23	Khá	20,000,000

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Điểm trung bình các môn học lần 1, đạt, có tính vào GPA*	Điểm rèn luyện	Tổng số tín chỉ các môn học lần 1, đạt, có tính vào GPA*	Mức học bổng	Số tiền học bổng
187	FAFBIU22215	Mai Anh Tú	82	83	18	Khá	20,000,000
188	FAFBIU23201	Phạm Lê Bảo Hân	82.9	95	20	Giỏi	22,000,000
189	FAFBIU23217	Kim Un Bok	82.6	96	21	Giỏi	22,000,000
190	FAFBIU23205	Nguyễn Hoàng Khang	81.4	100	21	Giỏi	22,000,000
191	FAFBIU23095	Võ Khánh Nghi	84.9	69	18	Khá	20,000,000
192	FAFBIU23127	Nguyễn Huỳnh Mạnh Phước	82.4	66	17	Khá	20,000,000
193	FAFBIU23215	Hứa Ngọc Nghi Văn	81.8	78	20	Khá	20,000,000
194	FAFBIU23101	Nguyễn Thảo Nguyên	79.7	78	18	Khá	20,000,000
195	FAFBIU23028	Dư Nguyễn Hoàng Duy	79.5	95	17	Khá	20,000,000
196	FAFBIU24041	Nguyễn Thái Hải	90.8	92	16	Xuất sắc	24,000,000
197	FAFBIU24140	Lê Đoàn Minh Thư	88.6	95	16	Giỏi	22,000,000
198	FAFBIU24005	Thiều Đặng Hoàng Anh	88.1	81	16	Giỏi	22,000,000
199	FAFBIU24114	Phạm Nguyễn Gia Phúc	82	65	16	Khá	20,000,000
200	FAFBIU24019	Nguyễn Quốc Bảo	78	95	16	Khá	20,000,000
201	FAFBIU24098	Võ Thành Nghĩa	72.4	86	16	Khá	20,000,000
202	IEIEIU21081	Nguyễn Thụy Xuân Hoàng	86.7	83	19	Giỏi	22,000,000
203	IEIEIU21086	Nguyễn Thụy Trâm Anh	89.2	91	18	Giỏi	22,000,000
204	IEIEIU21009	Hồ Thị Minh Uyên	85.4	72	22	Khá	20,000,000
205	IEIEIU22049	Dương Hoàng Thiên Trang	88.5	85	20	Giỏi	22,000,000
206	IEIEIU22080	Trần Nguyên Khang	84.4	90	21	Giỏi	22,000,000
207	IEIEIU23054	Đinh Huyền Trâm	87.9	79	23	Khá	20,000,000
208	IEIEIU23051	Nguyễn Gia Minh	83.5	65	20	Khá	20,000,000
209	IEIEIU24057	Quách Minh Thùy	93.3	87	16	Giỏi	22,000,000
210	IEIEIU24010	Nguyễn Thành Đạt	84.8	87	16	Giỏi	22,000,000
211	IELSIU21006	Nguyễn Thị Phương Anh	92.2	95	19	Xuất sắc	24,000,000
212	IELSIU21344	Phạm Ngọc Lâm Nhi	91.3	100	18	Giỏi	22,000,000
213	IELSIU21181	Nguyễn Lê Hoàng Vy	89.8	87	18	Giỏi	22,000,000
214	IELSIU21209	Trần Thanh Lam	91.2	91	18	Giỏi	22,000,000
215	IELSIU21318	Chu Thị Thùy Linh	88	81	20	Khá	20,000,000
216	IELSIU21207	Lê Ngọc Y Khánh	85.7	87	23	Khá	20,000,000
217	IELSIU21259	Nguyễn Duy Anh	84	81	18	Khá	20,000,000
218	IELSIU21370	Tô Diễm Quỳnh	83.4	80	24	Khá	20,000,000
219	IELSIU21271	Phan Thành Đạt	83.4	81	24	Khá	20,000,000
220	IELSIU22040	Trần Bình Phương Huyền	91.6	100	24	Xuất sắc	24,000,000
221	IELSIU22262	Phan Trúc An	91.1	89	24	Khá	20,000,000
222	IELSIU22225	Huỳnh Khánh Nhân	90	97	23	Giỏi	22,000,000
223	IELSIU22287	Ngô Nhật Bích Trâm	90.6	98	24	Giỏi	22,000,000
224	IELSIU22265	Lê Trúc Anh	89.8	100	24	Khá	20,000,000
225	IELSIU22243	Lâm Nhật Huy	89.8	97	24	Khá	20,000,000

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Điểm trung bình các môn học lần 1, đạt, có tính vào GPA*	Điểm rèn luyện	Tổng số tín chỉ các môn học lần 1, đạt, có tính vào GPA*	Mức học bổng	Số tiền học bổng
226	IELSIU22386	Nguyễn Hồng Linh	89.7	100	23	Khá	20,000,000
227	IELSIU22271	Trương Ngọc Tuyết Vân	88.3	100	24	Khá	20,000,000
228	IELSIU23030	Nguyễn Quỳnh Hương	88.4	88	23	Giỏi	22,000,000
229	IELSIU23038	Trần Gia Khánh	88.2	100	22	Giỏi	22,000,000
230	IELSIU23040	Trần An Khoa	87.9	91	20	Khá	20,000,000
231	IELSIU23105	Lê Tú Uyên	87.2	92	24	Khá	20,000,000
232	IELSIU23092	Trần Ngọc Đan Trâm	86.4	83	22	Khá	20,000,000
233	IELSIU24133	Nguyễn Anh Gia Phúc	93.3	100	16	Xuất sắc	24,000,000
234	IELSIU24127	Ngô Gia Phong	93.6	87	16	Giỏi	22,000,000
235	IELSIU24156	Nguyễn Nhật Thanh	90	92	16	Giỏi	22,000,000
236	IELSIU24132	Trần Duy Phúc	87.3	92	16	Khá	20,000,000
237	IELSIU24074	Nguyễn Tuấn Khôi	84.6	86	16	Khá	20,000,000
238	IELSIU24079	Nguyễn Hà Gia Linh	84.2	97	16	Khá	20,000,000
239	IELSIU24117	Nguyễn Hoàng Nhân	84.1	95	16	Khá	20,000,000
240	IELSIU24165	Ngô Ngọc Anh Thư	83.9	92	16	Khá	20,000,000
241	ITCSIU21236	Nguyễn Thị Anh Thơ	91	85	16	Giỏi	22,000,000
242	ITCSIU21182	Trần Vũ Khánh Hưng	87.7	82	15	Giỏi	22,000,000
243	ITCSIU21096	Lê Tuấn Phúc	90.5	71	15	Khá	20,000,000
244	ITCSIU21004	Nguyễn Khánh Hà	89.7	79	22	Khá	20,000,000
245	ITCSIU21207	Huỳnh Hữu Nghĩa	85	88	20	Khá	20,000,000
246	ITCSIU22107	Lê Nguyễn Tấn Phát	91.6	100	22	Xuất sắc	24,000,000
247	ITCSIU22186	Hồ Trung Thy Giang	92.6	88	19	Giỏi	22,000,000
248	ITCSIU22226	Hồ Hoàng Bảo Trân	90.1	100	24	Giỏi	22,000,000
249	ITCSIU22288	Nguyễn Hoàng Thảo Trinh	87.8	90	21	Khá	20,000,000
250	ITCSIU22094	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	85.4	90	22	Khá	20,000,000
251	ITCSIU22256	Hoàng Ngọc Quỳnh Anh	84.6	100	23	Khá	20,000,000
252	ITCSIU23036	Lê Huỳnh Thiện	88.8	80	24	Giỏi	22,000,000
253	ITCSIU23015	Trương Quốc Khánh	87	100	20	Giỏi	22,000,000
254	ITCSIU24083	Phạm Thanh Thư	88.6	100	17	Giỏi	22,000,000
255	ITCSIU24070	Trần Minh Phúc	86.8	80	17	Giỏi	22,000,000
256	ITCSIU24065	Nguyễn Ngọc Phương Như	85	81	17	Khá	20,000,000
257	ITDSIU21057	Nguyễn Hải Ngọc	89.7	92	18	Giỏi	22,000,000
258	ITDSIU21091	Nguyễn Nhật Khiêm	87.1	83	15	Giỏi	22,000,000
259	ITDSIU21088	Đào Ngọc Lan Hồng	84.9	84	23	Khá	20,000,000
260	ITDSIU22144	Võ Nguyễn Thanh Thảo	87.3	87	21	Giỏi	22,000,000
261	ITDSIU22142	Nguyễn Thị Thanh Tâm	87.2	81	20	Giỏi	22,000,000
262	ITDSIU23003	Nguyễn Huỳnh Ngân Anh	84.3	100	17	Giỏi	22,000,000
263	ITDSIU24050	Nguyễn Vũ Thuần	87.1	100	15	Giỏi	22,000,000
264	ITDSIU24047	Phạm Quang Thịnh	84.7	95	15	Giỏi	22,000,000
265	ITITI21328	Trịnh Thủy Tiên	86.3	87	19	Giỏi	22,000,000

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Điểm trung bình các môn học lần 1, đạt, có tính vào GPA*	Điểm rèn luyện	Tổng số tín chỉ các môn học lần 1, đạt, có tính vào GPA*	Mức học bổng	Số tiền học bổng
266	ITITIU21185	Nguyễn Tấn Dũng	81.8	80	20	Giỏi	22,000,000
267	ITITIU21127	Nguyễn Trần Hoàng Hạ	81.5	100	15	Giỏi	22,000,000
268	ITITIU21297	Nguyễn Tiến Sơn	81.1	87	23	Khá	20,000,000
269	ITITIU21212	Nguyễn Trang Thiên Hương	87.5	67	20	Khá	20,000,000
270	ITITIU21240	Nguyễn Minh Lương	86.9	70	18	Khá	20,000,000
271	ITITIU21256	Dương Trọng Nghĩa	86.9	73	26	Khá	20,000,000
272	ITITIU21188	Trương Bửu Duy	89.6	67	15	Khá	20,000,000
273	ITITIU22124	Trần Thiên Phú	85.3	87	24	Giỏi	22,000,000
274	ITITIU22152	Âu Nguyễn Nhật Thư	81.2	100	19	Giỏi	22,000,000
275	ITITIU22177	Nguyễn Quốc Tuấn	83.2	75	19	Khá	20,000,000
276	ITITIU23003	Huỳnh Tuấn Anh	83.2	91	20	Giỏi	22,000,000
277	ITITIU24065	Huỳnh Ngọc Thùy Tiên	85.1	95	15	Giỏi	22,000,000
278	ITITWE23021	Trần Anh Khoa	90.9	90	15	Xuất sắc	36,000,000
279	ITITWE23009	Ôn Minh Quân	91.3	82	19	Giỏi	33,000,000
280	ITITWE24025	Nguyễn Trần Minh Thư	83.9	95	23	Giỏi	33,000,000
281	ITITWE24009	Phạm Gia Hân	76.5	93	23	Khá	30,000,000
282	MAMAIU21006	Vũ Thị Mai Phương	85.3	92	15	Giỏi	22,000,000
283	MAMAIU21115	Phạm Thị Ánh Tuyết	83.3	68	24	Khá	20,000,000
284	MAMAIU22058	Nguyễn Phước Bảo Thiện	88.6	73	22	Khá	20,000,000
285	MAMAIU22100	Phạm Văn Nam	82	69	21	Khá	20,000,000
286	MAMAIU22073	Nguyễn Minh Hồng Ngọc	78.9	83	19	Khá	20,000,000
287	MAMAIU23073	Lý Bảo Châu	90.2	100	17	Xuất sắc	24,000,000
288	MAMAIU23057	Cao Đức Thịnh	80.5	89	22	Giỏi	22,000,000
289	MAMAIU23029	Thiều Phan Thục Khuê	79	93	16	Khá	20,000,000
290	MAMAIU24003	Lê Hoàng Minh Anh	81.8	73	18	Khá	20,000,000
291	MASTIU23011	Cù Nguyễn Mai Hương	73.1	86	16	Khá	20,000,000
292	MASTIU24018	Ngô Xuân Thủy	83.7	85	18	Giỏi	22,000,000
293	SESEIU21018	Nguyễn Công Nguyên	91.1	92	16	Xuất sắc	24,000,000
294	SESEIU22050	Trần Nguyễn Phương An	88.5	94	24	Giỏi	22,000,000
295	SESEIU23015	Lưu Đình Hiền	90.4	100	21	Xuất sắc	24,000,000
296	SESEIU24017	Lê Vân Ly	84	100	16	Giỏi	22,000,000

Danh sách này có 296 sinh viên ./.

--

**: Sinh viên có cùng ĐTB học kỳ, ĐRL, số tín chỉ. Tuy nhiên ĐTBTL cao hơn => Được ưu tiên hơn khi xét và phân bổ học bổng (Mục 3, Điều 9, QĐ 884/QĐ-ĐHQT).